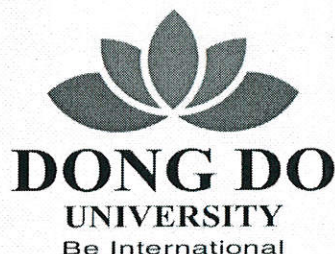




BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐO



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 64 /QĐ-ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

Tên chương trình : Điều dưỡng
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Điều dưỡng
Mã ngành : 7720301
Loại hình đào tạo: Chính quy

Hà Nội, 2025

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số 64/QĐ- ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Điều dưỡng được điều chỉnh nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Chương trình đào tạo đại học ngành Điều dưỡng được kế thừa từ chương trình đào tạo ban hành 2023 và được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học, của người học và của các bên liên quan.

Đào tạo cử nhân điều dưỡng có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề theo chuẩn năng lực điều dưỡng trình độ đại học Việt Nam đáp ứng yêu cầu công việc, thích ứng với sự phát triển không ngừng của khoa học sức khỏe, công nghệ và hội nhập Quốc tế

1.2. Thông tin chung

- Tên ngành đào tạo:
- + Tên tiếng Việt: Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ Đại học
- + Tên tiếng Anh: Bachelor's Degree Nursing Program
- Mã ngành đào tạo: 7220301
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: Cử nhân Điều dưỡng
- + Tiếng Anh: Bachelor of Nursing
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Điều dưỡng
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Đông Đô
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt
- Thông tin tuyển sinh:
- + Đối tượng tuyển sinh: Tiêu chuẩn nhập học chương trình dựa trên các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và các yêu cầu của trường Đại học Đông Đô và được quy định hàng năm. Thông tin thêm về các tiêu chí tuyển sinh được cập nhật của chương trình có thể được tìm thấy tại website của trường Đại học Đông Đô

Các tổ hợp xét tuyển:

- + A00: Toán học, Vật lý, Hóa học
- + A01: Toán, Vật Lý, Tiếng Anh
- + B00: Toán, Hóa Học, Sinh Học
- + B08: Toán, Sinh Học, Tiếng Anh
- + D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh

+ Các phương án xét tuyển mới hàng năm sẽ được trường Đại học Đông Đô cập nhật theo hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo

- Phương thức tuyển sinh: xét tuyển

- Điều kiện tốt nghiệp:

+ Tích lũy đủ số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

+ Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên 2.0/4.0;

+ Hoàn thành các chứng chỉ và các nghĩa vụ quy định như: Có chứng chỉ giáo dục thể chất, chứng chỉ GDAQP, NN trình độ B. Hoàn thành học phí, không nợ tài liệu, sách, các trang thiết bị kỹ thuật khác, tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung chương trình đào tạo

Đào tạo và cung cấp nhân lực điều dưỡng chất lượng cao dựa trên nền tảng đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hợp tác quốc tế và thực hành nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập, đồng thời góp phần tạo ra những giá trị mới đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Đào tạo cử nhân điều dưỡng có hiểu biết về chính trị, xã hội, pháp luật, có tư cách, đạo đức tốt, có trách nhiệm và yêu nghề; Có kiến thức khoa học cơ bản vững chắc, có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp theo “Chuẩn năng lực điều dưỡng” ở trình độ đại học; có sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc, có khả năng làm việc độc lập; Có năng lực nghiên cứu và cải tiến kỹ thuật điều dưỡng, lãnh đạo và khởi nghiệp; Có tinh thần trách nhiệm, tác phong thận trọng, chính xác, chân thành, hợp tác với đồng nghiệp, có khả năng tự học, tự hoàn thiện và sáng tạo để thích ứng với sự phát triển không ngừng của khoa học sức khỏe, công nghệ và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1 - Về kiến thức: Có đủ kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học chính trị và pháp luật làm nền tảng để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; Có kiến thức, hiểu biết sâu rộng về cơ sở ngành và chuyên ngành phân tích đánh giá và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực điều dưỡng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân.

PO2 - Về kỹ năng thực hành nghề nghiệp: Có khả năng thực hành tốt các kỹ năng nghề nghiệp đạt “Chuẩn năng lực điều dưỡng trình độ đại học” theo quy định của Bộ Y tế. có khả năng nghiên cứu - ứng dụng khoa học điều dưỡng vào thực hành nghề nghiệp.

PO3 - Về Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm: Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, phát hiện và giải quyết vấn đề, tư duy, phản biện, sáng tạo; sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin tốt.

PO4 - Về Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Có đủ năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm để làm việc độc lập hoặc tham gia các hoạt động nhóm để thực hiện các công việc mình đảm trách trong khuôn khổ tuân thủ các quy định, quy tắc và định hướng chung. Có đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng pháp luật, có trách nhiệm với xã hội và môi trường.

3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Học xong CTĐT ngành điều dưỡng, sinh viên đạt được các mức năng lực sau

Chuẩn đầu ra	Mô tả Chuẩn đầu ra	Mức năng lực
1. Kiến thức		
1.1.	Kiến thức đại cương	
PLO1	Giải thích, triển khai được các kiến thức giáo dục đại cương, y học cơ sở của ngành về tình trạng sức khỏe để áp dụng công việc của người điều dưỡng theo từng lĩnh vực chuyên khoa cũng như chăm sóc sức khỏe cộng đồng	K2, K3
PLO2	Triển khai những kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng và đạt chuẩn ứng dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT. thành thạo kiến thức về công nghệ thông tin trong học tập, công tác và các lĩnh vực của cuộc sống; vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học trong học tập và nghiên cứu khoa học liên quan đến chuyên ngành đào tạo; có trình độ ngoại ngữ thứ 2 tối thiểu đạt bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.	K3
1.2. Kiến thức cơ sở ngành và ngành		
PLO3	Phân tích, triển khai được các kiến thức cơ sở ngành khoa học y sinh như hoá sinh, vi sinh KST, dược lý, lý sinh y học, tâm lý học Đạo đức Y học... để giải thích được tình trạng người bệnh và sức khỏe cộng đồng trong nhận định chăm sóc người bệnh theo từng lĩnh vực, chuyên khoa.	K3,K4
PLO4	Nhân dạng được các kiến thức về pháp luật trong y tế và nghiên cứu khoa học trong thực hành chăm sóc người bệnh	K4
1.3. Kiến thức chuyên ngành		
PLO5	Phân tích sâu rộng kiến thức chuyên ngành về tình trạng sức khỏe, những vấn đề ưu tiên ở các đối tượng người bệnh, giải thích được tình trạng người bệnh theo chuyên khoa và đưa ra được những quyết định chăm sóc phù hợp hiệu quả. Phân tích được kiến thức về chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa và chuyên khoa về nội, chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa và chuyên khoa về ngoại, chăm sóc sức khỏe trẻ em, chăm sóc sức khỏe phụ nữ bà mẹ và gia đình....	K4
PLO6	Phân tích, triển khai những kiến thức về xã hội, môi trường làm việc, pháp luật để quản lý tốt việc thực hiện các quy trình điều dưỡng trong lập kế hoạch chăm sóc và can thiệp điều dưỡng đối với các đối tượng người bệnh tại cơ sở khám chữa bệnh.	K3,K4

Chuẩn đầu ra	Mô tả Chuẩn đầu ra	Mức năng lực
2. Kỹ năng		
2.2. Kỹ năng nghề nghiệp		
PLO7	<i>Thực hiện</i> được đầy đủ và thành thạo quy trình điều dưỡng để nhận định, lập kế hoạch chăm sóc và can thiệp, hướng dẫn, xác định nhu cầu giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình, cộng đồng và đảm bảo chăm sóc liên tục. <i>Vận hành</i> các kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình (theo chuẩn năng lực của cử nhân điều dưỡng Việt Nam). Dùng thuốc an toàn hiệu quả, hợp tác tốt với đồng nghiệp trong công tác chăm sóc người bệnh.	S3,S4
PLO8	<i>Thực hiện</i> chính xác một số kỹ năng phòng bệnh và phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương, đề xuất các biện pháp phối hợp để phòng chống dịch; Thực hiện được tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng; sơ cấp cứu cứu và đáp ứng khi có tình huống cấp cứu, thảm họa thiên nhiên (bão lũ động đất, sóng thần...) đồng thời <i>kiểm soát</i> tốt công tác chăm sóc người bệnh và phát triển chuyên môn nghề nghiệp theo hướng học tập suốt đời.	S3,S4
2.2. Kỹ năng giao tiếp ứng xử		
PLO9	<i>Sử dụng</i> thuần thục, chính xác kỹ năng giao tiếp, truyền đạt thông tin và chuyển giao kiến thức tốt thông qua các hình thức văn bản và lời nói (trao đổi, thuyết trình); thuần thục kỹ năng tập hợp nhân lực để thành lập nhóm, duy trì và phối hợp tốt với cá nhân trong nhóm, phát triển nhóm, làm việc với các nhóm khác. <i>Chuẩn hoá</i> mục tiêu và phân đầu để đạt được yêu cầu, quản lý công việc, quản lý nguồn nhân lực.	S3,S4
PLO10	<i>Sử dụng</i> thuần thục kỹ năng phân tích tình huống, tổng hợp thông tin và đưa ra giải pháp cho các vấn đề của công tác điều dưỡng; có thể làm việc độc lập, tự đánh giá kết quả và hoàn thành công việc đúng hạn. <i>Sử dụng</i> hiệu quả các trang thiết bị máy móc y tế trong chăm sóc và điều trị người bệnh các chuyên khoa	S3,S4
3. Thái độ/Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (PLO3)		
PLO11	Chủ động <i>thảo luận</i> hợp tác tốt với các thành viên nhóm chăm sóc trong việc theo dõi, chăm sóc, điều trị người bệnh và thực hiện nhiệm vụ được giao, thể hiện thái độ tích cực với những đổi mới và những quan điểm trái chiều; lắng nghe các kiến nghị và <i>đề xuất</i> thử nghiệm những phương pháp mới và thích nghi với những thay đổi	A2,A3

Chuẩn đầu ra	Mô tả Chuẩn đầu ra	Mức năng lực
PLO12	<i>Thực hiện</i> đầy đủ 12 điều Y đức; tuân thủ đúng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng viên theo quy định, theo luật pháp, chính sách của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. <i>Chia sẻ</i> kiến thức, kinh nghiệm học tập, nghiên cứu, công tác với đồng nghiệp	A2, A3

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Điều dưỡng viên, điều dưỡng trưởng tại các cơ sở y tế (bệnh viện tuyến trung ương, tuyến tỉnh, tuyến huyện; các trạm y tế xã, phường) trong và ngoài nước.
- Giảng viên trong các cơ sở đào tạo nhân lực Y tế (các trường đại học, cao đẳng).
- Nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu lĩnh vực khoa học sức khỏe, cán bộ dự án tại các dự án y tế
- Điều dưỡng viên trong các Trung tâm dưỡng lão, phòng khám, phòng y tế cơ quan, xí nghiệp, trường học...
- Lao động trong các cơ sở y tế, viện dưỡng lão nước ngoài

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

Các khối kiến thức	Số TC
Khối kiến thức giáo dục đại cương	29
Khối kiến thức cơ sở ngành	29
Khối kiến thức chuyên ngành	64
Thực tập & Khóa luận tốt nghiệp	10
Tổng	132

* Chưa kể 12 TC GDTC và GDQP an ninh

6. DANH SÁCH HỌC PHẦN

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm/ Thảo luận
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương (Bắt buộc)			29		
1	7GDC001	Triết học Mác - Lênin	3 (3;0)	45	0
2	7GDC002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2 (2;0)	30	0
3	7GDC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2;0)	30	0
4	7GDC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2;0)	30	0
5	7GDC005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2 (2;0)	30	0
6	7GDC006	Pháp luật đại cương	2(2;0)	30	0
7	7GDC028	Xác suất thống kê	2(2;0)	30	0
8	7DDU047	Hóa học	2 (2;0)	30	0
9	7GDC019	Tin học đại cương	3 (1;2)	15	60
10	7GDC008	Ngôn ngữ Anh 1	3 (3;0)	45	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm/ Thảo luận
11	7GDC009	Ngôn ngữ Anh 2	3 (3;0)	45	0
12	7GDC010	Ngôn ngữ Anh 3	3 (3;0)	45	0
2. Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất			12		
	7GAQ001	Giáo dục Quốc phòng-An ninh ^(*)	8		
	7GDT002	Giáo dục thể chất ^(*)	4		
3. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			103		
3.1. Kiến thức cơ sở ngành (bắt buộc)			7		
13	7DDU001	Sinh học - Di truyền	3(2;1)	30	15
14	7DDU002	Lý sinh y học	2 (2;0)	30	0
15	7DDU003	Tâm lý học - Đạo đức y học	2 (2;0)	30	0
3.2. Kiến thức ngành (bắt buộc)			22		
16	7DDU004	Giải phẫu	4 (2;2)	30	60
17	7DDU005	Vi sinh - Ký sinh trùng	3 (2;1)	30	30
18	7DDU006	Mô phôi	2 (1;1)	15	30
19	7DDU007	Sinh lý học	3 (2;1)	30	30
20	7DDU008	Hóa sinh	2 (2;0)	30	
21	7DDU009	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2 (1;1)	15	30
22	7DDU010	Dược lý	2 (1;1)	15	30
23	7DDU011	Dịch tễ học	2 (2;0)	30	
24	7DDU012	Pháp luật tổ chức y tế	2 (2;0)	30	
3.3. Kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)			60		
25	7DDU013	Dinh dưỡng tiết chế và vệ sinh an toàn thực phẩm	2 (2;0)	30	
26	7DDU014	Tiếng anh chuyên ngành	3 (2;1)	30	30
27	7DDU015	Y học cổ truyền	2 (1;1)	15	30
28	7DDU016	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	2 (2;0)	30	
29	7DDU017	Điều dưỡng cơ sở 1	4 (2;2)	30	60
30	7DDU018	Điều dưỡng cơ sở 2	3 (2;1)	30	30
31	7DDU019	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	2 (1;1)	15	30
32	7DDU020	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1	2 (2;0)	30	
33	7DDU021	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1	3 (0;3)	0	135

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm/ Thảo luận
34	7DDU022	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2	2 (2;0)	30	
35	7DDU023	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 2	3 (0;3)	0	135
36	7DDU024	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1	2 (2;0)	30	
37	7DDU025	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 1	3 (0;3)	0	135
38	7DDU026	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2	2 (2;0)	30	
39	7DDU027	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2	3 (0;3)	0	135
40	7DDU028	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2 (2;0)	30	
41	7DDU029	Thực hành chăm sóc sức khỏe trẻ em	2 (0;2)		90
42	7DDU030	Quản lý điều dưỡng	2 (2;0)	30	
43	7DDU031	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2 (2;0)	30	
44	7DDU032	Thực hành chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2 (0;2)	0	90
45	7DDU033	Chăm sóc sức khỏe người bệnh tâm thần	2 (1;1)	15	45
46	7DDU034	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	2 (1;2)	15	90
47	7DDU035	Chăm sóc sức khỏe người có bệnh truyền nhiễm	2 (1;1)	15	45
48	7DDU036	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	2 (1;1)	15	30
49	7DDU037	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2 (1;1)	15	45
50	7DDU038	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2 (1;1)	15	45
3.4. Khối kiến thức chuyên ngành (tự chọn)			4/8		
51	7DDU039	Phương pháp nghiên cứu khoa học y học	2 (2;0)	30	0
52	7DDU040	Điều dưỡng thảm họa	2 (2;0)	30	0
53	7DDU041	Các chương trình y tế quốc gia	2 (2;0)	30	0
54	7DDU042	Sức khỏe môi trường - Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	2 (2;0)	30	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm/ Thảo luận
3.5. Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp			10		
55	7DDU043	Thực tập tốt nghiệp	4	0	75
56	7DDU044	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	90
3.6. Học thay thế khóa luận tốt nghiệp					
57	7DDU045	Chăm sóc người bệnh Nội khoa – Nhi khoa nâng cao	3(3;0)	45	0
58	7DDU046	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa – Sản khoa nâng cao	3(3;0)	45	0
		Tổng	132		

